| BỘ TƯ PHÁP | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 09/2017/TT-BTP | *Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2017* |

# THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

*Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**"Điều 4. Nội dung kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị**

Nội dung kiểm tra tính pháp lý bao gồm việc xem xét, đánh giá và kết luận về sự phù hợp và đầy đủ của hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 81/2013/NĐ-CP), *cụ thể như sau:*

1. Các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính phải bảo đảm đầy đủ về số lượng, thành phần, sự phù hợp về thể thức theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 99; khoản 1 và 2 Điều 101; khoản 1 và 2 Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính; khoản 1 Điều 11 Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc (sau đây viết tắt là Nghị định số 02/2014/NĐ-CP); Điều 9 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc *(đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây viết tắt là Nghị định số 136/2016/NĐ-CP))* và quy định của Thông tư này.

2. Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải bảo đảm phù hợp với quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Đối tượng bị đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính phải bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5, Điều 92, 94 và 96 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 13, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP *(đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết tắt là*

*Nghị định số 97/2017/NĐ-CP))* và Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc *(đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP).*

4. Thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 99, 101 và 103 Luật xử lý vi phạm hành chính.

5. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 99, 101 và 103 Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP; Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc *(sau đây viết tắt là Nghị định số 221/2013/NĐ-CP)*; Nghị định số 02/2014/NĐ-CP; Nghị định số 136/2016/NĐ-CP và quy định của Thông tư này".

2. Khoản 1 và khoản 5 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**"Điều 5. Trình tự, thủ tục kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị**

1. Hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 99, khoản 3 Điều 101 và khoản 3 Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính, cơ quan đã lập hồ sơ *gửi công văn đề nghị Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện kiểm tra tính pháp lý kèm theo bản gốc hồ sơ đề nghị, cụ thể như sau:*

*a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người vi phạm có nơi cư trú ổn định được chuyển tới Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cư trú;*

*b) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người vi phạm không có nơi cư trú ổn định được chuyển tới Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện nơi cơ quan lập hồ sơ đóng trụ sở;*

Việc giao, nhận hồ sơ phải được lập thành biên bản.

5. *Trường hợp hồ sơ đề nghị chưa bảo đảm tính pháp lý theo quy định tại Điều 4 Thông tư này thì Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện phải ghi rõ trong văn bản kiểm tra tính pháp lý những nội dung chưa bảo đảm tính pháp lý, các tài liệu cần sửa đổi, bổ sung vào hồ sơ, sau đó chuyển toàn bộ hồ sơ kèm theo văn bản kiểm tra tính pháp lý cho Trưởng Công an cấp huyện đối với biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng và biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện đối với biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để xem xét, quyết định việc đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Việc giao, nhận hồ sơ phải được lập thành biên bản*".

3. Điểm c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"c) Tài liệu về biện pháp giáo dục đã áp dụng gồm: *Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu giấy chứng nhận số 01 (mẫu biểu MGCN01) ban hành kèm theo Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Nghị định số 56/2016/NĐ-CP)*;

d) Bản tường trình của người *bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng* hoặc người đại diện hợp pháp của họ (theo mẫu do Bộ Công an ban hành, nếu có). Trường hợp không có mẫu, bản tường trình phải bảo đảm những nội dung chủ yếu sau đây: Họ và tên người vi phạm, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú, nơi học tập hoặc nơi làm việc của người vi phạm (nếu có); *tường trình* về hành vi vi phạm *(nêu rõ bản thân và những người liên quan đã thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật nào, thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện, cách thức thực hiện hành vi đó, lý do dẫn đến các hành vi vi phạm, hậu quả xảy ra và những việc đã làm để khắc phục hậu quả, vi phạm đã bị xử lý như thế nào);*

đ) Văn bản thể hiện ý kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người *bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng*;

e) Văn bản thể hiện ý kiến của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người *bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng* đang học tập hoặc làm việc (nếu có);

g) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có) như: Giấy Chứng minh nhân dân; Hộ chiếu; thẻ Căn cước công dân; Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu của người *bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng*; văn bản thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính".

4. Khoản 4 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"4. Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp *xác minh,* thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 99 Luật xử lý vi phạm hành chính".

5. Điểm b khoản 2 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"*b) Việc xác định nơi cư trú của người chưa thành niên vi phạm không có nơi cư trú ổn định phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị định số*

*111/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP), cụ thể như sau:*

*Nơi cư trú ổn định là nơi đối tượng thường trú hoặc tạm trú, nhưng phải là nơi người đó hiện đang thường xuyên sinh sống hoặc phần lớn thời gian sinh sống;*

*Không có nơi cư trú ổn định là trường hợp không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú của người vi phạm và người đó thường xuyên đi lang thang, không ở một nơi cố định hoặc trường hợp xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú của người vi phạm nhưng người đó thường xuyên đi lang thang, không ở một nơi cố định*".

6. Điểm a khoản 4 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"a) Các tài liệu, giấy tờ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6; *điểm b khoản 3 Điều 6*; điểm a và b khoản 2 *Điều này*".

7. Khoản 5 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"5. Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp *xác minh*, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào *cơ sở giáo dục bắt buộc* quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 101 Luật xử lý vi phạm hành chính".

8. Điểm b khoản 2 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"b) Việc xác định nơi cư trú của *người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc* không có nơi cư trú ổn định phải bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư này".

9. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 16. Kiểm tra các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Việc kiểm tra sự phù hợp, tính hợp pháp và đầy đủ của các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc căn cứ vào quy định tại khoản 1 và 2 Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 9 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP *(đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP).*

2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định gồm có:

a) Bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn

xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

*b)* Bản tường trình của *người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc* hoặc của người đại diện hợp pháp của họ (theo mẫu do Bộ Công an hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, nếu có). Trường hợp không có mẫu, bản tường trình phải bảo đảm những nội dung chủ yếu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

*c) Biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Mẫu biên bản số 01 (mẫu biểu MBB01) ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) hoặc phiếu xét nghiệm dương tính với chất ma túy (theo mẫu do Bộ Y tế ban hành, nếu có);*

*d) Tài liệu chứng minh về biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi nghiện ma túy đã áp dụng gồm: Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu giấy chứng nhận số 01 (mẫu biểu MGCN01) ban hành kèm theo Nghị định số 56/2016/NĐ-CP hoặc Quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Mẫu quyết định số 04 (mẫu biểu MQĐ04) ban hành kèm theo Nghị định số 56/2016/NĐ-CP;*

*đ) Tài liệu, giấy tờ theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 6 Thông tư này.*

3. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy không cư trú tại nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật và xác định được nơi cư trú của người đó gồm các tài liệu, giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy không cư trú tại nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật và không xác định được nơi cư trú của người đó gồm có:

*a) Tài liệu xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định;*

*b) Các tài liệu, giấy tờ quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này;*

*c) Tài liệu quy định tại điểm d khoản 2 Điều này (nếu có).*

5. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính *đưa* vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với trường hợp người nghiện ma túy vi phạm có nơi cư trú ổn định do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 96 của Luật xử lý vi phạm hành chính, gồm có *các tài liệu, giấy tờ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này".*

6. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với trường hợp người nghiện ma túy vi phạm không có nơi cư trú ổn định do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 96 của Luật xử lý vi phạm hành chính, gồm có *các tài liệu, giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều này.*

10. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**"Điều 18. Kiểm tra đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

*1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải bảo đảm phù hợp về độ tuổi, hành vi vi phạm và các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP) và khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP), bao gồm các trường hợp cụ thể sau:*

*a) Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy hoặc trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP);*

*b) Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, bị chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP);*

*c) Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy, nhưng không có nơi cư trú ổn định theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 3 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP);*

*d) Người đang tham gia chương trình cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng, người đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP).*

*2. Các trường hợp không phải là đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính, bao gồm: người nước ngoài; người không có năng lực trách nhiệm hành chính; người đang mang thai có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận bằng văn bản".*

11. Khoản 4 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"4. Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp *xác minh*, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào *cơ sở cai nghiện bắt buộc* quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 103 Luật xử lý vi phạm hành chính".

**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Khánh Ngọc**

***Nơi nhận:***
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- VP Quốc hội; VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Cục QLXLVPHC&TDTHPL (05b).